

Số: 501/TB-HĐTT

Nghệ An, ngày 29 tháng 01 năm 2026

THÔNG BÁO

**Danh sách đủ điều kiện tham gia thi vòng 2 Kỳ thi tuyển viên chức
năm 2025 của Bệnh viện Hữu nghị đa khoa Nghệ An**

Kính gửi: Các ứng viên tham gia thi tuyển viên chức năm 2025

Thực hiện Nghị định số 115/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25/9/2020 quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định 85/2023/NĐ-CP của Chính phủ ngày 07/12/2023 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 115/2020/NĐ-CP; Thông tư số 001/2025/TT-BNV ngày 17/03/2025 của Bộ Nội vụ ban hành Nội quy và Quy chế tuyển dụng, nâng ngạch, xét thăng hạng công chức, viên chức

Căn cứ Kết quả làm việc của Ban coi thi vòng 01 Kỳ thi tuyển viên chức năm 2025 Bệnh viện Hữu nghị đa khoa Nghệ An; Kết luận cuộc họp Hội đồng thi tuyển viên chức năm 2025 của Bệnh viện; Quyết định số 499/QĐ-BV ngày 29/01/2026 của Giám đốc Bệnh viện Hữu nghị đa khoa Nghệ An về việc công nhận kết quả thi vòng 01 Kỳ thi tuyển viên chức năm 2025;

Hội đồng thi tuyển viên chức Bệnh viện Hữu nghị đa khoa Nghệ An thông báo tới các ứng viên Danh sách đủ điều kiện tham gia thi vòng 2 kỳ thi tuyển viên chức năm 2025.

(Danh sách đính kèm tại thông báo)

Mọi thắc mắc xin liên hệ theo số điện thoại hotline tuyển dụng: 0866.880.186.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐTT; HĐTD;
- Sở Y tế (để B/c);
- Lưu: VT, HĐTT

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**
**BỆNH VIỆN
HỮU NGHỊ ĐA KHOA
NGHỆ AN**
GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN
Nguyễn Văn Hương

BỆNH VIỆN HNĐK NGHỆ AN
HỘI ĐỒNG THI TUYỂN VIÊN CHỨC NĂM 2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH ĐỦ ĐIỀU KIỆN THAM GIA THI VÒNG 2 KỲ THI TUYỂN VIÊN CHỨC NĂM 2025

(Đính kèm Thông báo số 501/TB-BV ngày 29/01/2026 của Hội đồng thi tuyển Bệnh viện Hữu nghị đa khoa Nghệ An)

STT	Số báo danh	Phòng thi	Vị trí dự tuyển	Họ và tên	Ngày sinh	Trình độ chuyên môn	Kết quả thi vòng 1		
							Kiến thức chung	Ngoại ngữ	Kết quả
1	1	KT.301	Bác sĩ hạng III	Lê Thị An	07.12.2001	Bác sĩ y đa khoa	54/60	25/30	Đạt
2	2	KT.301	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Duy An	06.09.2001	Bác sĩ y đa khoa	57/60	25/30	Đạt
3	3	KT.301	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Bảo An	01.02.2001	Bác sĩ y đa khoa	45/60	26/30	Đạt
4	4	KT.301	Bác sĩ hạng III	Phan Đình Tuấn Anh	19.08.2001	Bác sĩ y đa khoa	56/60	24/30	Đạt
5	5	KT.301	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Thị Vân Anh	15.11.2000	Bác sĩ y đa khoa	44/60	26/30	Đạt
6	6	KT.301	Bác sĩ hạng III	Lữ Tiến Anh	13.03.1999	Bác sĩ y đa khoa	34/60	27/30	Đạt
7	7	KT.301	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Thị Tuyết Anh	14.12.2001	Bác sĩ y đa khoa	47/60	23/30	Đạt
8	8	KT.301	Bác sĩ hạng III	Trần Thị Trâm Anh	02.09.2001	Bác sĩ y đa khoa	48/60	27/30	Đạt
9	9	KT.301	Bác sĩ hạng III	Nghiêm Thị Ngọc Ánh	02.09.2000	Bác sĩ y đa khoa	55/60	25/30	Đạt
10	10	KT.301	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	07.12.2000	Bác sĩ y đa khoa	49/60	28/30	Đạt
11	11	KT.301	Bác sĩ hạng III	Trương Thị Ngọc Ánh	29.04.2001	Bác sĩ y đa khoa	44/60	27/30	Đạt
12	12	KT.301	Bác sĩ hạng III	Hồ Sỹ Bằng	21.04.2001	Bác sĩ y đa khoa	48/60	25/30	Đạt
13	13	KT.301	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Quang Bình	18.03.2001	Bác sĩ y đa khoa	59/60	28/30	Đạt
14	14	KT.301	Bác sĩ hạng III	Lê Huy Cần	08.05.2000	Bác sĩ y đa khoa	42/60	26/30	Đạt
15	15	KT.301	Bác sĩ hạng III	Cao Thị Yến Chi	10.08.2001	Bác sĩ y đa khoa	41/60	26/30	Đạt
16	17	KT.301	Bác sĩ hạng III	Lê Hồng Chiến	17.07.1998	Bác sĩ y đa khoa	46/60	20/30	Đạt
17	19	KT.301	Bác sĩ hạng III	Lê Kim Đại	13.07.2001	Bác sĩ y đa khoa	36/60	26/30	Đạt
18	20	KT.301	Bác sĩ hạng III	Đặng Duy Hải Đăng	05.10.2000	Bác sĩ y đa khoa	50/60	23/30	Đạt
19	21	KT.301	Bác sĩ hạng III	Đào Tiến Đạt	15.06.1999	Bác sĩ y đa khoa	44/60	27/30	Đạt
20	22	KT.301	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Thành Đạt	26.10.2001	Bác sĩ y đa khoa	40/60	20/30	Đạt
21	23	KT.302	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Thành Đạt	25.06.2001	Bác sĩ y đa khoa	48/60	23/30	Đạt
22	24	KT.302	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Đức Định	29.01.1998	Bác sĩ y đa khoa	39/60	20/30	Đạt

STT	Số báo danh	Phòng thi	Vị trí dự tuyển	Họ và tên	Ngày sinh	Trình độ chuyên môn	Kết quả thi vòng 1		
							Kiến thức chung	Ngoại ngữ	Kết quả
23	25	KT.302	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Anh Đức	13.03.2000	Bác sĩ y đa khoa	47/60	30/30	Đạt
24	26	KT.302	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Đăng Đức	24.08.1995	Bác sĩ y đa khoa	42/60	Miễn thi	Đạt
25	27	KT.302	Bác sĩ hạng III	Hoàng Thị Dung	12.12.2001	Bác sĩ y đa khoa	43/60	17/30	Đạt
26	28	KT.302	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Thủy Dung	30.06.2001	Bác sĩ y đa khoa	46/60	30/30	Đạt
27	30	KT.302	Bác sĩ hạng III	Phan Doãn Dương	08.07.2001	Bác sĩ y đa khoa	51/60	21/30	Đạt
28	31	KT.302	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Trường Duy	27.01.1998	Bác sĩ y đa khoa	41/60	26/30	Đạt
29	32	KT.302	Bác sĩ hạng III	Hà Thị Mỹ Duyên	02.07.2001	Bác sĩ y đa khoa	35/60	21/30	Đạt
30	34	KT.302	Bác sĩ hạng III	Bùi Thị Quỳnh Giang	11.09.1999	Bác sĩ y đa khoa	48/60	26/30	Đạt
31	35	KT.302	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Thị Trà Giang	24.03.1998	Bác sĩ y đa khoa	51/60	27/30	Đạt
32	36	KT.302	Bác sĩ hạng III	Võ Thị Thu Hà	11.10.2000	Bác sĩ y đa khoa	50/60	30/30	Đạt
33	37	KT.302	Bác sĩ hạng III	Cung Đình Hải	28.04.2001	Bác sĩ y đa khoa	44/60	29/30	Đạt
34	38	KT.302	Bác sĩ hạng III	Lê Thị Hằng	06.07.1999	Bác sĩ y đa khoa	44/60	28/30	Đạt
35	39	KT.302	Bác sĩ hạng III	Hồ Thị Minh Hằng	09.01.2001	Bác sĩ y đa khoa	41/60	20/30	Đạt
36	40	KT.302	Bác sĩ hạng III	Phạm Văn Hạnh	10.10.1998	Bác sĩ y đa khoa	40/60	25/30	Đạt
37	41	KT.302	Bác sĩ hạng III	Lê Thị Hạnh	26.08.2001	Bác sĩ y đa khoa	46/60	25/30	Đạt
38	42	KT.302	Bác sĩ hạng III	Trần Thị Hạnh	28.10.2001	Bác sĩ y đa khoa	41/60	27/30	Đạt
39	43	KT.302	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Thị Hạnh	27.11.2000	Bác sĩ y đa khoa	54/60	27/30	Đạt
40	44	KT.302	Bác sĩ hạng III	Trần Văn Hậu	20.10.1993	Bác sĩ y đa khoa	43/60	25/30	Đạt
41	45	KT.303	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Văn Hiến	18.11.2000	Bác sĩ y đa khoa	37/60	27/30	Đạt
42	46	KT.303	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Thị Thu Hiền	22.06.2001	Bác sĩ y đa khoa	40/60	29/30	Đạt
43	47	KT.303	Bác sĩ hạng III	Hồ Thị Hoa	07.05.2000	Bác sĩ y đa khoa	44/60	26/30	Đạt
44	48	KT.303	Bác sĩ hạng III	Lê Thị Hoài	05.01.1999	Bác sĩ y đa khoa	42/60	23/30	Đạt
45	51	KT.303	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Đình Hoạt	16.09.2001	Bác sĩ y đa khoa	43/60	21/30	Đạt
46	53	KT.303	Bác sĩ hạng III	Đào Thị Thu Hương	27.01.1993	Bác sĩ y đa khoa	43/60	25/30	Đạt
47	54	KT.303	Bác sĩ hạng III	Phan Lê Quốc Huy	23.04.2001	Bác sĩ y đa khoa	50/60	30/30	Đạt
48	58	KT.303	Bác sĩ hạng III	Võ Văn Khánh	14.02.2000	Bác sĩ y đa khoa	47/60	16/30	Đạt
49	59	KT.303	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Khánh Linh	06.01.1998	Bác sĩ y đa khoa	42/60	28/30	Đạt
50	60	KT.303	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Phương Linh	17.05.2001	Bác sĩ y đa khoa	56/60	25/30	Đạt
51	62	KT.303	Bác sĩ hạng III	Trần Thị Linh	17.05.1997	Bác sĩ y đa khoa	48/60	29/30	Đạt

STT	Số báo danh	Phòng thi	Vị trí dự tuyển	Họ và tên	Ngày sinh	Trình độ chuyên môn	Kết quả thi vòng 1		
							Kiến thức chung	Ngoại ngữ	Kết quả
52	63	KT.303	Bác sĩ hạng III	Lưu Thị Thùy Linh	23.02.2000	Bác sĩ y đa khoa	42/60	25/30	Đạt
53	64	KT.303	Bác sĩ hạng III	Dương Thị Thuỳ Linh	02.08.1999	Bác sĩ y đa khoa	47/60	23/30	Đạt
54	65	KT.303	Bác sĩ hạng III	Trần Thị Loan	18.08.1999	Bác sĩ y đa khoa	44/60	27/30	Đạt
55	66	KT.303	Bác sĩ hạng III	Trần Văn Lợi	16.08.2001	Bác sĩ y đa khoa	45/60	26/30	Đạt
56	67	KT.304	Bác sĩ hạng III	Chu Thăng Long	10.06.2000	Bác sĩ y đa khoa	49/60	24/30	Đạt
57	68	KT.304	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Văn Long	01.10.1983	Bác sĩ y đa khoa	56/60	15/30	Đạt
58	69	KT.304	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Thị Lương	20.06.1999	Bác sĩ y đa khoa	50/60	26/30	Đạt
59	70	KT.304	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Thị Tuyết Mai	15.02.1998	Bác sĩ y đa khoa	44/60	25/30	Đạt
60	71	KT.304	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Thị Hoa Mai	30.04.2001	Bác sĩ y đa khoa	38/60	21/30	Đạt
61	72	KT.304	Bác sĩ hạng III	Tăng Thị Sao Mai	09.01.2001	Bác sĩ y đa khoa	42/60	30/30	Đạt
62	73	KT.304	Bác sĩ hạng III	Trần Thị Huyền My	20.06.2001	Bác sĩ y đa khoa	52/60	26/30	Đạt
63	75	KT.304	Bác sĩ hạng III	Đàm Thị Thu Na	19.02.2000	Bác sĩ y đa khoa	51/60	28/30	Đạt
64	76	KT.304	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Nai	25.02.1998	Bác sĩ y đa khoa	40/60	25/30	Đạt
65	77	KT.304	Bác sĩ hạng III	Lê Đức Nam	13.08.2001	Bác sĩ y đa khoa	40/60	29/30	Đạt
66	79	KT.304	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Thị Quỳnh Nga	26.02.2001	Bác sĩ y đa khoa	45/60	19/30	Đạt
67	80	KT.304	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Thị Thanh Ngân	27.12.1995	Bác sĩ y đa khoa	48/60	Miễn thi	Đạt
68	81	KT.304	Bác sĩ hạng III	Đoàn Trọng Nghĩa	16.02.2001	Bác sĩ y đa khoa	41/60	25/30	Đạt
69	83	KT.304	Bác sĩ hạng III	Hoàng Văn Ngọc	19.06.2001	Bác sĩ y đa khoa	38/60	28/30	Đạt
70	84	KT.304	Bác sĩ hạng III	Trịnh Phạm Khôi Nguyên	20.09.2000	Bác sĩ y đa khoa	41/60	27/30	Đạt
71	85	KT.304	Bác sĩ hạng III	Hồ Mỹ Nguyên	27.04.2001	Bác sĩ y đa khoa	46/60	23/30	Đạt
72	86	KT.304	Bác sĩ hạng III	Ngô Hưng Nhật	25.07.2001	Bác sĩ y đa khoa	49/60	21/30	Đạt
73	87	KT.304	Bác sĩ hạng III	Trần Thị Trang Nhung	22.03.2001	Bác sĩ y đa khoa	49/60	24/30	Đạt
74	90	KT.305	Bác sĩ hạng III	Hoàng Thị Phương	27.11.1997	Bác sĩ y đa khoa	42/60	25/30	Đạt
75	92	KT.305	Bác sĩ hạng III	Hồ Thị Quỳnh	27.02.1999	Bác sĩ y đa khoa	46/60	21/30	Đạt
76	93	KT.305	Bác sĩ hạng III	Phạm Như Quỳnh	07.01.2001	Bác sĩ y đa khoa	39/60	23/30	Đạt
77	94	KT.305	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Ngọc Sáng	16.08.2000	Bác sĩ y đa khoa	47/60	26/30	Đạt
78	95	KT.305	Bác sĩ hạng III	Cao Văn Sơn	10.11.1996	Bác sĩ y đa khoa	48/60	22/30	Đạt
79	96	KT.305	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Thị Sương	28.02.2001	Bác sĩ y đa khoa	47/60	23/30	Đạt
80	97	KT.305	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Hữu Tài	17.08.1998	Bác sĩ y đa khoa	45/60	27/30	Đạt

STT	Số báo danh	Phòng thi	Vị trí dự tuyển	Họ và tên	Ngày sinh	Trình độ chuyên môn	Kết quả thi vòng 1		
							Kiểm thức chung	Ngoại ngữ	Kết quả
81	98	KT.305	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Văn Minh Tân	11.04.2001	Bác sĩ y đa khoa	44/60	24/30	Đạt
82	99	KT.305	Bác sĩ hạng III	Võ Thị Linh Tân	20.05.2001	Bác sĩ y đa khoa	41/60	27/30	Đạt
83	101	KT.305	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Thị Thảo	07.10.1997	Bác sĩ y đa khoa	43/60	Miễn thi	Đạt
84	102	KT.305	Bác sĩ hạng III	Trương Thị Thảo	10.08.1997	Bác sĩ y đa khoa	48/60	30/30	Đạt
85	103	KT.305	Bác sĩ hạng III	Lê Thị Phương Thảo	08.07.2001	Bác sĩ y đa khoa	38/60	24/30	Đạt
86	106	KT.305	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Đức Thịnh	02.01.2001	Bác sĩ y đa khoa	41/60	20/30	Đạt
87	107	KT.305	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Thị Hoài Thu	20.10.2001	Bác sĩ y đa khoa	41/60	23/30	Đạt
88	108	KT.305	Bác sĩ hạng III	Lê Thị Thư	05.07.2000	Bác sĩ y đa khoa	48/60	27/30	Đạt
89	109	KT.305	Bác sĩ hạng III	Đặng Đức Thuận	25.02.1993	Bác sĩ y đa khoa	45/60	18/30	Đạt
90	111	KT.306	Bác sĩ hạng III	Phạm Thị Khánh Thương	28.11.2000	Bác sĩ y đa khoa	46/60	27/30	Đạt
91	112	KT.306	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Thị Bích Thương	20.04.2000	Bác sĩ y đa khoa	47/60	30/30	Đạt
92	113	KT.306	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Thị Thuỷ	01.01.1998	Bác sĩ y đa khoa	46/60	29/30	Đạt
93	114	KT.306	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Thị Thùy	02.01.2000	Bác sĩ y đa khoa	43/60	24/30	Đạt
94	115	KT.306	Bác sĩ hạng III	Phan Đức Tiến	15.08.1999	Bác sĩ y đa khoa	43/60	27/30	Đạt
95	116	KT.306	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Văn Toàn	03.02.1996	Bác sĩ y đa khoa	38/60	23/30	Đạt
96	117	KT.306	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Khánh Toàn	24.09.2001	Bác sĩ y đa khoa	50/60	28/30	Đạt
97	119	KT.306	Bác sĩ hạng III	Hồ Ngọc Trâm	18.04.2001	Bác sĩ y đa khoa	42/60	27/30	Đạt
98	120	KT.306	Bác sĩ hạng III	Lê Thị Trang	25.08.2001	Bác sĩ y đa khoa	52/60	27/30	Đạt
99	121	KT.306	Bác sĩ hạng III	Trần Như Trang	02.02.2001	Bác sĩ y đa khoa	49/60	28/30	Đạt
100	122	KT.306	Bác sĩ hạng III	Viên Thị Minh Trang	21.01.1999	Bác sĩ y đa khoa	51/60	27/30	Đạt
101	123	KT.306	Bác sĩ hạng III	Hoàng Thị Trang	28.03.2000	Bác sĩ y đa khoa	48/60	19/30	Đạt
102	124	KT.306	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Thuỳ Trang	14.11.2001	Bác sĩ y đa khoa	56/60	30/30	Đạt
103	125	KT.306	Bác sĩ hạng III	Trần Thị Huyền Trang	06.04.2001	Bác sĩ y đa khoa	53/60	25/30	Đạt
104	126	KT.306	Bác sĩ hạng III	Đặng Kim Trang	26.08.2001	Bác sĩ y đa khoa	49/60	24/30	Đạt
105	127	KT.306	Bác sĩ hạng III	Trần Đình Trường	29.04.2001	Bác sĩ y đa khoa	42/60	22/30	Đạt
106	128	KT.306	Bác sĩ hạng III	Hồ Thị Cẩm Tú	15.10.2001	Bác sĩ y đa khoa	42/60	26/30	Đạt
107	129	KT.306	Bác sĩ hạng III	Lê Thị Tú	20.10.2000	Bác sĩ y đa khoa	46/60	22/30	Đạt
108	130	KT.306	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Thị Tú	22.09.2000	Bác sĩ y đa khoa	50/60	26/30	Đạt
109	132	KT.306	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Như Tuấn	01.10.2001	Bác sĩ y đa khoa	38/60	30/30	Đạt

STT	Số báo danh	Phòng thi	Vị trí dự tuyển	Họ và tên	Ngày sinh	Trình độ chuyên môn	Kết quả thi vòng 1		
							Kiến thức chung	Ngoại ngữ	Kết quả
110	133	KT.307	Bác sĩ hạng III	Đỗ Viết Tùng	12.05.1999	Bác sĩ y đa khoa	42/60	23/30	Đạt
111	135	KT.307	Bác sĩ hạng III	Hoàng Thị Uyên	10.09.2001	Bác sĩ y đa khoa	47/60	27/30	Đạt
112	136	KT.307	Bác sĩ hạng III	Võ Tú Uyên	31.05.2001	Bác sĩ y đa khoa	49/60	25/30	Đạt
113	137	KT.307	Bác sĩ hạng III	Phan Thị Thảo Vân	04.11.2000	Bác sĩ y đa khoa	58/60	27/30	Đạt
114	138	KT.307	Bác sĩ hạng III	Phan Đình Vinh	04.05.2000	Bác sĩ y đa khoa	44/60	26/30	Đạt
115	139	KT.307	Bác sĩ hạng III	Đinh Thị Tường Vy	11.06.2001	Bác sĩ y đa khoa	44/60	28/30	Đạt
116	140	KT.307	Bác sĩ hạng III	Nguyễn Thị Bảo Yến	26.04.2001	Bác sĩ y đa khoa	49/60	27/30	Đạt
117	142	KT.307	Dược sĩ hạng III	Nguyễn Ngọc Chi	14.02.2002	Dược sĩ Đại học	50/60	27/30	Đạt
118	144	KT.307	Dược sĩ hạng III	Nguyễn Thành Đạt	28.02.1999	Dược sĩ Đại học	42/60	28/30	Đạt
119	145	KT.307	Dược sĩ hạng III	Đỗ Quốc Dũng	29.11.1989	Dược sĩ Đại học	37/60	26/30	Đạt
120	147	KT.307	Dược sĩ hạng III	Phan Thị Thanh Giang	12.07.2002	Dược sĩ Đại học	46/60	26/30	Đạt
121	148	KT.307	Dược sĩ hạng III	Nguyễn Thị Trà Giang	25.05.2000	Dược sĩ Đại học	43/60	21/30	Đạt
122	149	KT.307	Dược sĩ hạng III	Bùi Thị Ngọc Hà	31.10.2000	Dược sĩ Đại học	51/60	29/30	Đạt
123	150	KT.307	Dược sĩ hạng III	Lê Thị Mỹ Hạnh	03.02.1997	Dược sĩ Đại học	39/60	26/30	Đạt
124	152	KT.307	Dược sĩ hạng III	Nguyễn Thị Hiếu	01.10.2000	Dược sĩ Đại học	46/60	27/30	Đạt
125	154	KT.307	Dược sĩ hạng III	Nguyễn Thị Hoa	08.06.1998	Dược sĩ Đại học	39/60	24/30	Đạt
126	156	KT.309	Dược sĩ hạng III	Nguyễn Văn Việt Hoàng	26.10.2002	Dược sĩ Đại học	43/60	24/30	Đạt
127	157	KT.309	Dược sĩ hạng III	Nguyễn Mai Hương	10.08.2001	Dược sĩ Đại học	46/60	25/30	Đạt
128	159	KT.309	Dược sĩ hạng III	Hoàng Thị Lam	19.07.2000	Dược sĩ Đại học	47/60	30/30	Đạt
129	160	KT.309	Dược sĩ hạng III	Nguyễn Công Lâm	04.01.2002	Dược sĩ Đại học	43/60	30/30	Đạt
130	161	KT.309	Dược sĩ hạng III	Trần Thị Lê	07.06.2001	Dược sĩ Đại học	44/60	26/30	Đạt
131	163	KT.309	Dược sĩ hạng III	Thái Nguyễn Thảo Linh	09.05.2001	Dược sĩ Đại học	39/60	30/30	Đạt
132	164	KT.309	Dược sĩ hạng III	Nguyễn Tổng Ái Linh	05.01.2002	Dược sĩ Đại học	54/60	30/30	Đạt
133	166	KT.309	Dược sĩ hạng III	Ngô Thanh Lộc	13.03.2001	Dược sĩ Đại học	54/60	26/30	Đạt
134	167	KT.309	Dược sĩ hạng III	Lê Tiến Long	15.08.2000	Dược sĩ Đại học	57/60	29/30	Đạt
135	168	KT.309	Dược sĩ hạng III	Nguyễn Văn Mạnh	19.08.2002	Dược sĩ Đại học	44/60	26/30	Đạt
136	169	KT.309	Dược sĩ hạng III	Trần Văn Mạnh	16.10.2002	Dược sĩ Đại học	44/60	15/30	Đạt
137	170	KT.309	Dược sĩ hạng III	Nguyễn Thị Ngọc Mơ	23.11.2000	Dược sĩ Đại học	39/60	18/30	Đạt
138	171	KT.309	Dược sĩ hạng III	Trần Thảo My	24.04.2001	Dược sĩ Đại học	60/60	27/30	Đạt

STT	Số báo danh	Phòng thi	Vị trí dự tuyển	Họ và tên	Ngày sinh	Trình độ chuyên môn	Kết quả thi vòng 1		
							Kiến thức chung	Ngoại ngữ	Kết quả
139	178	KT.406	Dược sĩ hạng III	Nguyễn Thái Mai Phương	08.04.2002	Dược sĩ Đại học	41/60	24/30	Đạt
140	179	KT.406	Dược sĩ hạng III	Nguyễn Thị Hương Phương	21.08.1997	Dược sĩ Đại học	53/60	29/30	Đạt
141	180	KT.406	Dược sĩ hạng III	Dương Đình Quý	30.10.1994	Dược sĩ Đại học	49/60	23/30	Đạt
142	181	KT.406	Dược sĩ hạng III	Tăng Thị Quyên	19.10.2002	Dược sĩ Đại học	46/60	27/30	Đạt
143	182	KT.406	Dược sĩ hạng III	Nguyễn Thị Quỳnh	13.08.2001	Dược sĩ Đại học	51/60	27/30	Đạt
144	183	KT.406	Dược sĩ hạng III	Phạm Diễm Quỳnh	02.01.1999	Dược sĩ Đại học	42/60	26/30	Đạt
145	184	KT.406	Dược sĩ hạng III	Nguyễn Thị Hải Quỳnh	28.10.2002	Dược sĩ Đại học	57/60	27/30	Đạt
146	186	KT.406	Dược sĩ hạng III	Vì Thái Sơn	24.10.1992	Dược sĩ Đại học	39/60	15/30	Đạt
147	188	KT.406	Dược sĩ hạng III	Nguyễn Thị Thanh	12.12.2001	Dược sĩ Đại học	45/60	16/30	Đạt
148	189	KT.406	Dược sĩ hạng III	Đặng Thị Phương Thảo	15.12.2002	Dược sĩ Đại học	43/60	26/30	Đạt
149	190	KT.406	Dược sĩ hạng III	Hoàng Thị Dương Thảo	26.09.2002	Dược sĩ Đại học	44/60	27/30	Đạt
150	192	KT.406	Dược sĩ hạng III	Trịnh Xuân Anh Thông	27.01.2001	Dược sĩ Đại học	51/60	19/30	Đạt
151	193	KT.406	Dược sĩ hạng III	Nguyễn Thị Hoài Thương	20.04.2001	Dược sĩ Đại học	49/60	30/30	Đạt
152	196	KT.406	Dược sĩ hạng III	Hồ Thị Kim Trang	27.07.2000	Dược sĩ Đại học	42/60	25/30	Đạt
153	197	KT.406	Dược sĩ hạng III	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	02.10.2001	Dược sĩ Đại học	46/60	29/30	Đạt
154	199	KT.406	Dược sĩ hạng III	Phan Thị Quỳnh Trang	05.04.1995	Dược sĩ Đại học	56/60	29/30	Đạt
155	200	KT.407	Dược sĩ hạng III	Nguyễn Thị Huyền Trang	04.09.2002	Dược sĩ Đại học	47/60	30/30	Đạt
156	201	KT.407	Dược sĩ hạng III	Hoàng Thị Quỳnh Trang	16.04.2001	Dược sĩ Đại học	52/60	27/30	Đạt
157	202	KT.407	Dược sĩ hạng III	Đặng Thị Trang	02.02.2000	Dược sĩ Đại học	54/60	26/30	Đạt
158	203	KT.407	Dược sĩ hạng III	Phùng Thị Cẩm Tú	08.03.2002	Dược sĩ Đại học	45/60	15/30	Đạt
159	206	KT.407	Dược sĩ hạng III	Lê Thị Tú Uyên	11.07.1999	Dược sĩ Đại học	52/60	26/30	Đạt
160	207	KT.407	Dược sĩ hạng III	Nguyễn Thị Việt	02.09.1998	Dược sĩ Đại học	37/60	19/30	Đạt
161	210	KT.407	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Thị Tú Anh	25.06.1996	Cử nhân Điều Dưỡng	36/60	15/30	Đạt
162	212	KT.407	Điều Dưỡng Hạng III	Trần Minh Ánh	27.05.2000	Cử nhân Điều Dưỡng	39/60	17/30	Đạt
163	213	KT.407	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Thị Ngọc Bích	16.09.1988	Cử nhân Điều Dưỡng	50/60	25/30	Đạt

STT	Số báo danh	Phòng thi	Vị trí dự tuyển	Họ và tên	Ngày sinh	Trình độ chuyên môn	Kết quả thi vòng 1		
							Kiến thức chung	Ngoại ngữ	Kết quả
164	214	KT.407	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Thị Quỳnh Chi	18.04.2003	Cử nhân Điều Dưỡng	48/60	20/30	Đạt
165	215	KT.407	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Thị Linh Chi	03.09.1998	Cử nhân Điều Dưỡng	43/60	15/30	Đạt
166	218	KT.407	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Huyền Diệu	23.12.2003	Cử nhân Điều Dưỡng	38/60	23/30	Đạt
167	220	KT.407	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Thị Thủy Dung	20.04.2003	Cử nhân Điều Dưỡng	45/60	26/30	Đạt
168	221	KT.407	Điều Dưỡng Hạng III	Hoàng Thủy Dung	05.06.1993	Cử nhân Điều Dưỡng	45/60	24/30	Đạt
169	222	KT.408	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Thị Dung	27.03.1996	Cử nhân Điều Dưỡng	47/60	26/30	Đạt
170	223	KT.408	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Thị Dung	07.05.1999	Cử nhân Điều Dưỡng	54/60	23/30	Đạt
171	224	KT.408	Điều Dưỡng Hạng III	Đinh Thị Giang	28.03.2003	Cử nhân Điều Dưỡng	39/60	20/30	Đạt
172	225	KT.408	Điều Dưỡng Hạng III	Đặng Trà Giang	10.10.1994	Cử nhân Điều Dưỡng	50/60	21/30	Đạt
173	226	KT.408	Điều Dưỡng Hạng III	Lê Thị Quỳnh Giang	01.10.2003	Cử nhân Điều Dưỡng	39/60	17/30	Đạt
174	227	KT.408	Điều Dưỡng Hạng III	Trần Thị Giang	14.05.1994	Cử nhân Điều Dưỡng	41/60	19/30	Đạt
175	228	KT.408	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Hữu Giang	24.07.1988	Cử nhân Điều Dưỡng	32/60	19/30	Đạt
176	229	KT.408	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Thị Hà	08.11.1999	Cử nhân Điều Dưỡng	37/60	22/30	Đạt
177	230	KT.408	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Thị Hà	25.02.1985	Cử nhân Điều Dưỡng	34/60	17/30	Đạt
178	232	KT.408	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Thị Hà	04.09.1995	Cử nhân Điều Dưỡng	38/60	16/30	Đạt

STT	Số báo danh	Phòng thi	Vị trí dự tuyển	Họ và tên	Ngày sinh	Trình độ chuyên môn	Kết quả thi vòng 1		
							Kiến thức chung	Ngoại ngữ	Kết quả
179	235	KT.408	Điều Dưỡng Hạng III	Hồ Thị Hồng Hạnh	08.11.1991	Cử nhân Điều Dưỡng	33/60	21/30	Đạt
180	236	KT.408	Điều Dưỡng Hạng III	Đặng Thị Hào	16.03.2003	Cử nhân Điều Dưỡng	46/60	23/30	Đạt
181	239	KT.408	Điều Dưỡng Hạng III	Trần Thị Minh Hiền	09.10.1997	Cử nhân Điều Dưỡng	45/60	21/30	Đạt
182	243	KT.408	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Thị Hoài	03.10.1999	Cử nhân Điều Dưỡng	52/60	18/30	Đạt
183	245	KT.409	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Thị Mỹ Hoài	26.04.1998	Cử nhân Điều Dưỡng	46/60	20/30	Đạt
184	249	KT.409	Điều Dưỡng Hạng III	Trần Thị Thanh Huyền	21.02.2003	Cử nhân Điều Dưỡng	38/60	20/30	Đạt
185	254	KT.409	Điều Dưỡng Hạng III	Ngô Trí Kiên	07.05.2001	Cử nhân Điều Dưỡng	38/60	24/30	Đạt
186	256	KT.409	Điều Dưỡng Hạng III	Cao Thị Thanh Lam	14.01.2003	Cử nhân Điều Dưỡng	35/60	18/30	Đạt
187	258	KT.409	Điều Dưỡng Hạng III	Thái Thị Lan	07.09.1993	Cử nhân Điều Dưỡng	46/60	17/30	Đạt
188	259	KT.409	Điều Dưỡng Hạng III	Hoàng Thị Cẩm Linh	03.04.2003	Cử nhân Điều Dưỡng	42/60	16/30	Đạt
189	260	KT.409	Điều Dưỡng Hạng III	Dương Thị Khánh Linh	20.01.2003	Cử nhân Điều Dưỡng	44/60	24/30	Đạt
190	261	KT.409	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Thị Linh	27.04.2003	Cử nhân Điều Dưỡng	41/60	20/30	Đạt
191	262	KT.409	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Thị Thuý Linh	14.05.2000	Cử nhân Điều Dưỡng	39/60	15/30	Đạt
192	266	KT.409	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Thị Long	10.04.2003	Cử nhân Điều Dưỡng	47/60	16/30	Đạt
193	268	KT.301	Điều Dưỡng Hạng III	Trần Thị Lượng	24.10.1995	Cử nhân Điều Dưỡng	42/60	21/30	Đạt

STT	Số báo danh	Phòng thi	Vị trí dự tuyển	Họ và tên	Ngày sinh	Trình độ chuyên môn	Kết quả thi vòng 1		
							Kiến thức chung	Ngoại ngữ	Kết quả
194	269	KT.301	Điều Dưỡng Hạng III	Đậu Thị Ly	18.10.2003	Cử nhân Điều Dưỡng	31/60	17/30	Đạt
195	272	KT.301	Điều Dưỡng Hạng III	Lô Kha Lê Na	15.09.2003	Cử nhân Điều Dưỡng	42/60	15/30	Đạt
196	273	KT.301	Điều Dưỡng Hạng III	Hoàng Thị Lê Na	20.07.2000	Cử nhân Điều Dưỡng	47/60	26/30	Đạt
197	276	KT.301	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Thị Hằng Nga	11.09.2003	Cử nhân Điều Dưỡng	39/60	24/30	Đạt
198	277	KT.301	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Thị Nga	11.10.1993	Cử nhân Điều Dưỡng	37/60	26/30	Đạt
199	278	KT.301	Điều Dưỡng Hạng III	Hồ Thị Kim Ngân	12.06.2003	Cử nhân Điều Dưỡng	47/60	23/30	Đạt
200	279	KT.301	Điều Dưỡng Hạng III	Cao Thị Ngân	15.08.2000	Cử nhân Điều Dưỡng	48/60	25/30	Đạt
201	280	KT.301	Điều Dưỡng Hạng III	Trần Thị Nghĩa	26.06.1995	Cử nhân Điều Dưỡng	38/60	20/30	Đạt
202	281	KT.301	Điều Dưỡng Hạng III	Lê Thị Ngọc	12.04.1994	Cử nhân Điều Dưỡng	44/60	18/30	Đạt
203	282	KT.301	Điều Dưỡng Hạng III	Bùi Thị Hồng Ngọc	16.03.2000	Cử nhân Điều Dưỡng	39/60	22/30	Đạt
204	285	KT.301	Điều Dưỡng Hạng III	Hồ Thị Ngọc	20.03.1993	Cử nhân Điều Dưỡng	50/60	20/30	Đạt
205	286	KT.301	Điều Dưỡng Hạng III	Trương Thị Hồng Nguyên	01.01.1988	Cử nhân Điều Dưỡng	49/60	21/30	Đạt
206	289	KT.302	Điều Dưỡng Hạng III	Lê Thị Thu Nguyệt	22.03.2003	Cử nhân Điều Dưỡng	42/60	17/30	Đạt
207	290	KT.302	Điều Dưỡng Hạng III	Đinh Thị Nguyệt	02.12.1992	Cử nhân Điều Dưỡng	48/60	20/30	Đạt
208	291	KT.302	Điều Dưỡng Hạng III	Chu Thị Ngọc Nhi	19.10.2003	Cử nhân Điều Dưỡng	52/60	24/30	Đạt

STT	Số báo danh	Phòng thi	Vị trí dự tuyển	Họ và tên	Ngày sinh	Trình độ chuyên môn	Kết quả thi vòng 1		
							Kiến thức chung	Ngoại ngữ	Kết quả
209	294	KT.302	Điều Dưỡng Hạng III	Phạm Thị Oanh	12.07.1993	Cử nhân Điều Dưỡng	51/60	22/30	Đạt
210	295	KT.302	Điều Dưỡng Hạng III	Lê Thị Phương	13.10.1998	Cử nhân Điều Dưỡng	44/60	20/30	Đạt
211	300	KT.302	Điều Dưỡng Hạng III	Tôn Thị Hồng Quyên	28.03.2001	Cử nhân Điều Dưỡng	33/60	16/30	Đạt
212	302	KT.302	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Thị Sâm	10.10.1995	Cử nhân Điều Dưỡng	47/60	18/30	Đạt
213	304	KT.302	Điều Dưỡng Hạng III	Phạm Thị Thanh Tâm	02.02.2000	Cử nhân Điều Dưỡng	52/60	25/30	Đạt
214	305	KT.302	Điều Dưỡng Hạng III	Đặng Thị Tâm	10.09.1992	Cử nhân Điều Dưỡng	37/60	25/30	Đạt
215	311	KT.303	Điều Dưỡng Hạng III	Hồ Thị Thom	01.02.1995	Cử nhân Điều Dưỡng	40/60	21/30	Đạt
216	321	KT.303	Điều Dưỡng Hạng III	Trần Thanh Thuý	19.08.1999	Cử nhân Điều Dưỡng	42/60	20/30	Đạt
217	327	KT.303	Điều Dưỡng Hạng III	Hoàng Trần Thủy	15.07.1998	Cử nhân Điều Dưỡng	48/60	20/30	Đạt
218	328	KT.303	Điều Dưỡng Hạng III	Võ Thị Thủy	28.10.2003	Cử nhân Điều Dưỡng	46/60	18/30	Đạt
219	329	KT.303	Điều Dưỡng Hạng III	Thái Thị Ngọc Trâm	12.01.1999	Cử nhân Điều Dưỡng	43/60	22/30	Đạt
220	330	KT.303	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Thị Huyền Trang	13.06.2003	Cử nhân Điều Dưỡng	39/60	22/30	Đạt
221	331	KT.303	Điều Dưỡng Hạng III	Trần Huyền Trang	20.09.2003	Cử nhân Điều Dưỡng	48/60	22/30	Đạt
222	332	KT.303	Điều Dưỡng Hạng III	Đinh Thị Mai Trang	23.01.2003	Cử nhân Điều Dưỡng	47/60	17/30	Đạt
223	333	KT.304	Điều Dưỡng Hạng III	Bùi Thị Trang	05.07.2003	Cử nhân Điều Dưỡng	38/60	17/30	Đạt

STT	Số báo danh	Phòng thi	Vị trí dự tuyển	Họ và tên	Ngày sinh	Trình độ chuyên môn	Kết quả thi vòng 1		
							Kiến thức chung	Ngoại ngữ	Kết quả
224	335	KT.304	Điều Dưỡng Hạng III	Hoàng Thị Quỳnh Trang	30.03.2002	Cử nhân Điều Dưỡng	56/60	21/30	Đạt
225	336	KT.304	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Thị Trang	10.07.1994	Cử nhân Điều Dưỡng	46/60	22/30	Đạt
226	337	KT.304	Điều Dưỡng Hạng III	Trần Thị Thúy Trang	16.12.2002	Cử nhân Điều Dưỡng	32/60	23/30	Đạt
227	338	KT.304	Điều Dưỡng Hạng III	Lê Huyền Trang	22.10.2003	Cử nhân Điều Dưỡng	40/60	26/30	Đạt
228	339	KT.304	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Thị Triều	20.03.1995	Cử nhân Điều Dưỡng	48/60	24/30	Đạt
229	340	KT.304	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Thị Kiều Trinh	18.05.2003	Cử nhân Điều Dưỡng	36/60	16/30	Đạt
230	348	KT.304	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Thị Tô Uyên	11.12.2002	Cử nhân Điều Dưỡng	35/60	16/30	Đạt
231	349	KT.304	Điều Dưỡng Hạng III	Trương Nguyễn Thuý Vân	18.11.2002	Cử nhân Điều Dưỡng	47/60	26/30	Đạt
232	350	KT.304	Điều Dưỡng Hạng III	Bùi Thị Hà Vi	25.07.2002	Cử nhân Điều Dưỡng	43/60	26/30	Đạt
233	351	KT.304	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Thảo Vi	25.07.2001	Cử nhân Điều Dưỡng	36/60	19/30	Đạt
234	352	KT.304	Điều Dưỡng Hạng III	Lê Thị Tuyết Vi	25.07.1998	Cử nhân Điều Dưỡng	41/60	23/30	Đạt
235	353	KT.304	Điều Dưỡng Hạng III	Hồ Thị Yến	15.12.1996	Cử nhân Điều Dưỡng	52/60	23/30	Đạt
236	354	KT.304	Điều Dưỡng Hạng III	Phạm Thị Hải Yến	11.11.2003	Cử nhân Điều Dưỡng	40/60	20/30	Đạt
237	355	KT.305	Điều Dưỡng Hạng III	Nguyễn Hoàng Yến	16.08.1999	Cử nhân Điều Dưỡng	47/60	27/30	Đạt
238	356	KT.305	Điều Dưỡng Hạng III	Mai Thị Yến	25.01.1989	Cử nhân Điều Dưỡng	47/60	Miễn thi	Đạt

STT	Số báo danh	Phòng thi	Vị trí dự tuyển	Họ và tên	Ngày sinh	Trình độ chuyên môn	Kết quả thi vòng 1		
							Kiến thức chung	Ngoại ngữ	Kết quả
239	357	KT.305	Điều Dưỡng Hạng III	Phạm Hoàng Hải Yến	01.06.1994	Cử nhân Điều Dưỡng	33/60	25/30	Đạt
240	358	KT.305	Kỹ thuật y hạng III chẩn đoán hình ảnh	Dương Ngọc Ánh	12.04.1997	Cử nhân kỹ thuật hình ảnh y học	47/60	28/30	Đạt
241	359	KT.305	Kỹ thuật y hạng III chẩn đoán hình ảnh	Nguyễn Thị Ánh	27.05.2003	Cử nhân kỹ thuật hình ảnh y học	39/60	28/30	Đạt
242	360	KT.305	Kỹ thuật y hạng III chẩn đoán hình ảnh	Phạm Tiến Cầu	27.02.2003	Cử nhân kỹ thuật hình ảnh y học	41/60	25/30	Đạt
243	361	KT.305	Kỹ thuật y hạng III chẩn đoán hình ảnh	Phạm Trọng Đại	18.08.1998	Cử nhân kỹ thuật hình ảnh y học	48/60	25/30	Đạt
244	362	KT.305	Kỹ thuật y hạng III chẩn đoán hình ảnh	Nguyễn Quốc Đại	07.07.2000	Cử nhân kỹ thuật hình ảnh y học	43/60	27/30	Đạt
245	363	KT.305	Kỹ thuật y hạng III chẩn đoán hình ảnh	Bùi Thị Ngọc Diệp	04.09.2000	Cử nhân chẩn đoán hình ảnh	45/60	20/30	Đạt
246	364	KT.305	Kỹ thuật y hạng III chẩn đoán hình ảnh	Phạm Thị Định	29.01.2000	Cử nhân kỹ thuật hình ảnh y học	43/60	20/30	Đạt
247	365	KT.305	Kỹ thuật y hạng III chẩn đoán hình ảnh	Nguyễn Thái Đông	10.02.2001	Cử nhân kỹ thuật hình ảnh	47/60	22/30	Đạt
248	366	KT.305	Kỹ thuật y hạng III chẩn đoán hình ảnh	Nguyễn Văn Đức	05.02.1997	Cử nhân kỹ thuật hình ảnh y học	51/60	27/30	Đạt

STT	Số báo danh	Phòng thi	Vị trí dự tuyển	Họ và tên	Ngày sinh	Trình độ chuyên môn	Kết quả thi vòng 1		
							Kiến thức chung	Ngoại ngữ	Kết quả
249	367	KT.305	Kỹ thuật y hạng III chẩn đoán hình ảnh	Phạm Thanh Đức	02.07.1998	Cử nhân kỹ thuật hình ảnh y học	38/60	28/30	Đạt
250	369	KT.305	Kỹ thuật y hạng III chẩn đoán hình ảnh	Mai Thu Hằng	28.07.1998	Cử nhân kỹ thuật hình ảnh y học	44/60	23/30	Đạt
251	371	KT.305	Kỹ thuật y hạng III chẩn đoán hình ảnh	Trần Minh Hồng	08.09.2003	Cử nhân kỹ thuật hình ảnh y học	36/60	18/30	Đạt
252	373	KT.305	Kỹ thuật y hạng III chẩn đoán hình ảnh	Ngô Thị Diệu Linh	12.11.2003	Cử nhân kỹ thuật hình ảnh y học	52/60	26/30	Đạt
253	374	KT.305	Kỹ thuật y hạng III chẩn đoán hình ảnh	Hà Thị Mến	11.11.1997	Cử nhân Kỹ thuật hình ảnh y học	48/60	26/30	Đạt
254	376	KT.305	Kỹ thuật y hạng III chẩn đoán hình ảnh	Đặng Thành Nam	14.05.2000	Cử nhân kỹ thuật hình ảnh y học	36/60	24/30	Đạt
255	377	KT.306	Kỹ thuật y hạng III chẩn đoán hình ảnh	Nguyễn Trọng Nghĩa	23.09.2001	Cử nhân kỹ thuật hình ảnh y học	37/60	23/30	Đạt
256	378	KT.306	Kỹ thuật y hạng III chẩn đoán hình ảnh	Nguyễn Thị Nguyệt	11.04.2003	Cử nhân kỹ thuật hình ảnh y học	39/60	17/30	Đạt
257	379	KT.306	Kỹ thuật y hạng III chẩn đoán hình ảnh	Nguyễn Khắc Núi	17.04.2001	Cử nhân Kỹ thuật hình ảnh y học	40/60	26/30	Đạt
258	380	KT.306	Kỹ thuật y hạng III chẩn đoán hình ảnh	Nguyễn Thị Thanh Thảo	20.09.1996	Cử nhân kỹ thuật hình ảnh y học	47/60	24/30	Đạt

STT	Số báo danh	Phòng thi	Vị trí dự tuyển	Họ và tên	Ngày sinh	Trình độ chuyên môn	Kết quả thi vòng 1		
							Kiến thức chung	Ngoại ngữ	Kết quả
259	381	KT.306	Kỹ thuật y hạng III chẩn đoán hình ảnh	Đinh Thị Thu Thảo	18.10.2003	Cử nhân kỹ thuật hình ảnh Y học	52/60	24/30	Đạt
260	382	KT.306	Kỹ thuật y hạng III chẩn đoán hình ảnh	Võ Thị Diệu Thuý	02.02.1999	Cử nhân kỹ thuật hình ảnh y học	40/60	27/30	Đạt
261	383	KT.306	Kỹ thuật y hạng III chẩn đoán hình ảnh	Hồ Thị Bích Thuý	02.06.2000	Cử nhân kỹ thuật hình ảnh y học	46/60	24/30	Đạt
262	384	KT.306	Kỹ thuật y hạng III chẩn đoán hình ảnh	Phạm Văn Triệu	10.08.1999	Cử nhân kỹ thuật hình ảnh y học	54/60	27/30	Đạt
263	385	KT.306	Kỹ thuật y hạng III chẩn đoán hình ảnh	Trần Anh Tuấn	05.01.1991	Cử nhân hình ảnh y học	40/60	22/30	Đạt
264	386	KT.306	Kỹ thuật y hạng III chẩn đoán hình ảnh	Phan Thị Xuân	10.10.1992	Cử nhân kỹ thuật y học	47/60	22/30	Đạt
265	387	KT.306	Chuyên viên tài chính	Nguyễn Thị Ngọc Anh	25.02.1995	Cử nhân kinh tế	46/60	21/30	Đạt
266	388	KT.306	Chuyên viên tài chính	Trần Kim Dũng	19.09.1995	Cử nhân kinh tế	44/60	26/30	Đạt
267	389	KT.306	Chuyên viên tài chính	Lê Thị Mỹ Hoa	25.08.2000	Cử nhân kinh tế phát triển	45/60	26/30	Đạt
268	390	KT.306	Chuyên viên tài chính	Nguyễn Thị Khánh Huyền	10.04.2002	Cử nhân kinh tế	45/60	29/30	Đạt
269	391	KT.306	Chuyên viên tài chính	Nguyễn Ngọc Long	17.08.2000	Cử nhân kế toán chuyên ngành kiểm toán	50/60	26/30	Đạt

STT	Số báo danh	Phòng thi	Vị trí dự tuyển	Họ và tên	Ngày sinh	Trình độ chuyên môn	Kết quả thi vòng 1		
							Kiến thức chung	Ngoại ngữ	Kết quả
270	392	KT.306	Chuyên viên tài chính	Lê Thị Minh Ngân	07.05.1987	Cử nhân Tài chính - Ngân hàng	42/60	27/30	Đạt
271	393	KT.306	Chuyên viên tài chính	Phan Thị Hồng Ngọc	12.12.1992	Cử nhân tài chính ngân hàng	48/60	26/30	Đạt
272	394	KT.306	Chuyên viên tài chính	Mai Thu Phương	27.08.1987	Cử nhân kinh tế	45/60	26/30	Đạt
273	396	KT.306	Chuyên viên tài chính	Nguyễn Thị Thảo	23.01.1994	Cử nhân tài chính ngân hàng	47/60	27/30	Đạt
274	397	KT.306	Chuyên viên tài chính	Đậu Đình Trung	06.11.2003	Cử nhân Kinh tế	38/60	24/30	Đạt
275	398	KT.306	Chuyên viên tài chính	Lê Tuấn Vinh	24.04.2003	Cử nhân tài chính ngân hàng	40/60	29/30	Đạt
276	399	KT.307	Kế toán viên	Phan Thị Phương An	06.09.1999	Cử nhân Kế toán	37/60	25/30	Đạt
277	400	KT.307	Kế toán viên	Nguyễn Hoàng An	17.09.2002	Cử nhân Kế toán	45/60	29/30	Đạt
278	405	KT.307	Kế toán viên	Phan Thị Phương Dung	27.08.2001	Cử nhân ngành Kế toán	45/60	16/30	Đạt
279	406	KT.307	Kế toán viên	Đỗ Tiến Dũng	14.02.1998	Cử nhân Kế toán	41/60	22/30	Đạt
280	407	KT.307	Kế toán viên	Trần Thị Lam Giang	19.07.2003	Cử nhân ngành Kế toán	30/60	24/30	Đạt
281	408	KT.307	Kế toán viên	Lê Thị Thương Giang	01.10.1993	Cử nhân Tài chính- Ngân hàng	34/60	24/30	Đạt
282	410	KT.307	Kế toán viên	Lê Thị Thanh Hà	18.12.1999	Cử nhân Kế toán	37/60	21/30	Đạt
283	411	KT.307	Kế toán viên	Nguyễn Thị Việt Hà	24.11.1998	Thạc sĩ kinh tế - ngành kế toán	45/60	28/30	Đạt
284	415	KT.307	Kế toán viên	Phan Thị Hiền	28.10.1993	Cử nhân Kế toán	43/60	29/30	Đạt
285	419	KT.307	Kế toán viên	Nguyễn Quang Hoàng	05.11.2001	Cử nhân Kế toán	40/60	24/30	Đạt
286	421	KT.309	Kế toán viên	Đoàn Thị Hương	04.09.1987	Thạc sỹ Kế toán	49/60	17/30	Đạt
287	422	KT.309	Kế toán viên	Phạm Quang Huy	04.08.2003	Bằng cử nhân ngành Kế toán	38/60	29/30	Đạt

STT	Số báo danh	Phòng thi	Vị trí dự tuyển	Họ và tên	Ngày sinh	Trình độ chuyên môn	Kết quả thi vòng 1		
							Kiến thức chung	Ngoại ngữ	Kết quả
288	423	KT.309	Kế toán viên	Phan Nguyễn Thanh Huyền	13.03.2001	Cử nhân Kế toán	34/60	28/30	Đạt
289	424	KT.309	Kế toán viên	Nguyễn Thị Khánh Huyền	10.02.2000	Cử nhân Kế toán	39/60	22/30	Đạt
290	425	KT.309	Kế toán viên	Lê Thị Lịch	15.01.2001	Cử nhân ngành kế toán	39/60	25/30	Đạt
291	427	KT.309	Kế toán viên	Nguyễn Thị Ngọc Linh	29.03.1992	Cử nhân Kế toán	51/60	29/30	Đạt
292	430	KT.309	Kế toán viên	Nguyễn Thị Ngọc Mai	26.01.2003	Cử nhân Kế toán	45/60	27/30	Đạt
293	432	KT.309	Kế toán viên	Nguyễn Thị Nga	11.04.1989	Cử nhân Kế toán	39/60	21/30	Đạt
294	433	KT.309	Kế toán viên	Nguyễn Thị Kim Ngân	10.01.2001	Cử nhân Kế toán	47/60	20/30	Đạt
295	435	KT.309	Kế toán viên	Bùi Hồ Minh Ngọc	21.10.2004	Cử nhân Bảo hiểm - Ngân hàng - Tài chính	48/60	28/30	Đạt
296	436	KT.309	Kế toán viên	Nguyễn Phan Kiều Như	10.01.2003	Cử nhân Kế toán	40/60	19/30	Đạt
297	437	KT.309	Kế toán viên	Biện Thị Như	11.06.1992	Cử nhân Kế toán	41/60	27/30	Đạt
298	438	KT.309	Kế toán viên	Nguyễn Thị Quý	02.12.1993	Cử nhân Kế toán	38/60	24/30	Đạt
299	440	KT.309	Kế toán viên	Nguyễn Chí Thành	28.12.1998	Cử nhân Kế toán	36/60	27/30	Đạt
300	441	KT.309	Kế toán viên	Phan Đức Thành	05.08.1990	Cử nhân Tài chính Ngân hàng	52/60	29/30	Đạt
301	443	KT.309	Kế toán viên	Nguyễn Thị Phương Thảo	07.11.1998	Cử nhân Kế toán	44/60	27/30	Đạt
302	444	KT.406	Kế toán viên	Nguyễn Thị Anh Thư	15.09.2003	Cử nhân Kế toán	46/60	27/30	Đạt
303	445	KT.406	Kế toán viên	Trần Việt Tiến	23.01.1997	Cử nhân kế toán chuyên ngành kiểm toán	49/60	29/30	Đạt
304	446	KT.406	Kế toán viên	Nguyễn Thị Thanh Trà	27.02.2003	Cử nhân Kế toán	54/60	29/30	Đạt
305	447	KT.406	Kế toán viên	Thái Thị Huyền Trang	15.12.2002	Cử nhân Kế toán	44/60	26/30	Đạt
306	448	KT.406	Kế toán viên	Phùng Thuý Trang	16.11.2002	Cử nhân tài chính ngân hàng	33/60	27/30	Đạt
307	449	KT.406	Kế toán viên	Phan Thị Huyền Trang	20.11.1991	Cử nhân Kế toán	51/60	28/30	Đạt

STT	Số báo danh	Phòng thi	Vị trí dự tuyển	Họ và tên	Ngày sinh	Trình độ chuyên môn	Kết quả thi vòng 1		
							Kiến thức chung	Ngoại ngữ	Kết quả
308	451	KT.406	Kế toán viên	Đậu Thị Tuyết	15.05.2000	Cử nhân Kế toán	43/60	22/30	Đạt
309	455	KT.406	Công nghệ thông tin hạng III - Kỹ thuật phần mềm	Lưu Hải Đăng	12.04.2000	Cử nhân Hệ thống thông tin	42/60	28/30	Đạt
310	456	KT.406	Công nghệ thông tin hạng III - Kỹ thuật phần mềm	Phạm Bá Hiếu	20.01.2002	Kỹ sư công nghệ phần mềm	42/60	27/30	Đạt
311	457	KT.406	Công nghệ thông tin hạng III - Kỹ thuật phần mềm	Đỗ Việt Hoàng	05.05.2000	Kỹ sư kỹ thuật phần mềm	36/60	28/30	Đạt
312	459	KT.406	Công nghệ thông tin hạng III - Kỹ thuật phần mềm	Ngô Quang Nhật Minh	02.09.2002	Cử nhân chuyên ngành Kỹ thuật phần mềm	43/60	29/30	Đạt
313	460	KT.406	Công nghệ thông tin hạng III - Kỹ thuật phần mềm	Ngô Ngọc Tấn	09.12.2003	Cử nhân kỹ thuật phần mềm	38/60	28/30	Đạt
314	462	KT.406	Công nghệ thông tin hạng III - Kỹ thuật phần mềm	Vương Thế Vinh	24.05.1990	Kỹ sư kỹ thuật phần mềm	43/60	26/30	Đạt
315	463	KT.406	Công nghệ thông tin hạng III (Công nghệ thông tin - Điện tử viễn thông)	Nguyễn Trọng Dân	15.11.1994	Kỹ sư Kỹ thuật điện tử truyền thông	50/60	27/30	Đạt
316	468	KT.407	Công nghệ thông tin hạng III (Công nghệ thông tin - Điện tử viễn thông)	Nguyễn Văn Hoàng	20.08.1988	Kỹ sư Điện tử viễn thông	52/60	28/30	Đạt

STT	Số báo danh	Phòng thi	Vị trí dự tuyển	Họ và tên	Ngày sinh	Trình độ chuyên môn	Kết quả thi vòng 1		
							Kiến thức chung	Ngoại ngữ	Kết quả
317	469	KT.407	Công nghệ thông tin hạng III (Công nghệ thông tin - Điện tử viễn thông)	Phan Đình Hùng	23.02.1988	Kỹ sư điện tử viễn thông	42/60	27/30	Đạt
318	471	KT.407	Công nghệ thông tin hạng III (Công nghệ thông tin - Điện tử viễn thông)	Đoàn An Hưng	31.03.1999	Kỹ sư công nghệ thông tin	34/60	29/30	Đạt
319	472	KT.407	Công nghệ thông tin hạng III (Công nghệ thông tin - Điện tử viễn thông)	Mông Mạnh Hưng	04.02.2002	Kỹ sư công nghệ thông tin	41/60	18/30	Đạt
320	473	KT.407	Công nghệ thông tin hạng III (Công nghệ thông tin - Điện tử viễn thông)	Nguyễn Khánh Hưng	23.08.2001	Kỹ sư Công nghệ thông tin	42/60	27/30	Đạt
321	474	KT.407	Công nghệ thông tin hạng III (Công nghệ thông tin - Điện tử viễn thông)	Nguyễn Tất Lộc	17.09.2003	Cử nhân công nghệ thông tin	36/60	25/30	Đạt
322	475	KT.407	Công nghệ thông tin hạng III (Công nghệ thông tin - Điện tử viễn thông)	Trần Thị Thu Lựu	14.07.2003	Kỹ sư Công nghệ thông tin	40/60	19/30	Đạt

STT	Số báo danh	Phòng thi	Vị trí dự tuyển	Họ và tên	Ngày sinh	Trình độ chuyên môn	Kết quả thi vòng 1		
							Kiến thức chung	Ngoại ngữ	Kết quả
323	478	KT.407	Công nghệ thông tin hạng III (Công nghệ thông tin - Điện tử viễn thông)	Trần Văn Pháp	10.09.2000	Kỹ Sư Công Nghệ Thông Tin	34/60	19/30	Đạt
324	479	KT.407	Công nghệ thông tin hạng III (Công nghệ thông tin - Điện tử viễn thông)	Nguyễn Tiến Quang	13.01.1997	Kỹ sư Công Nghệ Thông Tin	52/60	25/30	Đạt
325	481	KT.407	Công nghệ thông tin hạng III (Công nghệ thông tin - Điện tử viễn thông)	Nguyễn Hữu Thọ	25.11.1990	Kỹ sư Kỹ thuật điện tử - viễn thông	45/60	28/30	Đạt
326	483	KT.407	Công nghệ thông tin hạng III (Công nghệ thông tin - Điện tử viễn thông)	Nguyễn Viết Trọng	26.08.1996	Công nghệ thông tin	39/60	Miễn thi	Đạt
327	485	KT.407	Công nghệ thông tin hạng III (Công nghệ thông tin - Điện tử viễn thông)	Lê Quang Vinh	02.10.2000	kỹ sư công nghệ thông tin	30/60	28/30	Đạt
328	486	KT.407	Công nghệ thông tin hạng III (Công nghệ thông tin - Điện tử viễn thông)	Phạm Tuấn Vũ	28.10.1990	Kỹ sư Điện tử viễn thông	50/60	27/30	Đạt

STT	Số báo danh	Phòng thi	Vị trí dự tuyển	Họ và tên	Ngày sinh	Trình độ chuyên môn	Kết quả thi vòng 1		
							Kiến thức chung	Ngoại ngữ	Kết quả
329	487	KT.407	Kỹ sư hạng III (xây dựng)	Nguyễn Bá Kiên	29.11.1990	Kiến trúc sư	46/60	27/30	Đạt
330	488	KT.408	Kỹ sư hạng III (xây dựng)	Nguyễn Đình Thành	01.05.1993	Kiến Trúc Sư	38/60	28/30	Đạt
331	489	KT.408	Kỹ sư hạng III (xây dựng)	Hoàng Đình Thập	06.05.1979	Kiến trúc sư	36/60	19/30	Đạt
332	490	KT.408	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	Đặng Thị Hoài An	04.04.1995	Cử nhân kinh tế	37/60	22/30	Đạt
333	491	KT.408	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	Đậu Thị Thiên Ân	16.11.1999	Cử nhân Quản trị Nhân lực	46/60	16/30	Đạt
334	493	KT.408	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	Nguyễn Đức Anh	03.05.2002	Cử nhân Quản trị kinh doanh	44/60	25/30	Đạt
335	495	KT.408	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	Lê Nguyễn Mai Anh	11.01.1999	Cử nhân Quản trị kinh doanh	35/60	Miễn thi	Đạt
336	496	KT.408	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	Hoàng Thị Ánh	14.06.1999	Cử nhân quản lý nhà nước chuyên ngành quản lý tổ chức và nhân sự	49/60	Miễn thi	Đạt
337	497	KT.408	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	Nguyễn Việt Dũng	28.05.1989	Thạc sĩ quản trị kinh doanh	42/60	Miễn thi	Đạt
338	499	KT.408	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	Nguyễn Thị Mai Giang	02.01.2001	Cử nhân ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	34/60	26/30	Đạt

STT	Số báo danh	Phòng thi	Vị trí dự tuyển	Họ và tên	Ngày sinh	Trình độ chuyên môn	Kết quả thi vòng 1		
							Kiến thức chung	Ngoại ngữ	Kết quả
339	501	KT.408	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	Trần Thị Thu Hà	02.02.1992	Cử nhân Quản trị nhân lực	41/60	23/30	Đạt
340	502	KT.408	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	Lê Thị Hằng	22.07.1991	Cử nhân Quản lý văn hoá	44/60	19/30	Đạt
341	503	KT.408	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	Trần Thị Thanh Huyền	25.06.2002	Cử nhân Kinh tế phát triển	38/60	30/30	Đạt
342	504	KT.408	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	Nguyễn Lê Khánh Huyền	10.10.1994	Thạc sĩ Kinh tế	46/60	29/30	Đạt
343	505	KT.408	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	Nguyễn Tuấn Mạnh	05.10.2002	Cử nhân Kinh tế	38/60	18/30	Đạt
344	507	KT.408	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	Cao Thị Huyền Trang	12.08.1999	Thạc sĩ Luật kinh tế	43/60	26/30	Đạt
345	508	KT.408	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	Trần Mạnh Trung	15.03.2003	Cử nhân Quản trị Kinh doanh chuyên ngành Quản trị Bệnh viện	36/60	25/30	Đạt
346	509	KT.408	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	Lăng Hoàng Yến	02.05.2002	Cử nhân Khoa học quản lý - chuyên ngành Quản lý Kinh tế	39/60	22/30	Đạt
347	512	KT.409	Chuyên viên về hành chính- văn phòng	Đặng Thị Ngọc Hiệp	07.05.1998	Cử nhân Quản lý nhà nước tương đương ngành Hành chính học	44/60	25/30	Đạt

STT	Số báo danh	Phòng thi	Vị trí dự tuyển	Họ và tên	Ngày sinh	Trình độ chuyên môn	Kết quả thi vòng 1		
							Kiến thức chung	Ngoại ngữ	Kết quả
348	515	KT.409	Chuyên viên về hành chính- văn phòng	Phùng Anh Thơ	12.06.2003	Cử nhân Luật	53/60	27/30	Đạt
349	516	KT.409	Chuyên viên về hành chính- văn phòng	Nguyễn Thị Thúy	24.11.2002	Cử nhân Quản trị Văn phòng	37/60	18/30	Đạt
350	517	KT.409	Chuyên viên pháp chế	Thái Ngọc An	22.10.2003	Cử nhân Luật kinh tế	45/60	29/30	Đạt
351	518	KT.409	Chuyên viên pháp chế	Nguyễn Minh Châu	14.08.2001	Cử nhân Luật Kinh tế	47/60	30/30	Đạt
352	519	KT.409	Chuyên viên pháp chế	Nguyễn Thị Hoa	20.01.1998	Cử nhân Luật	44/60	23/30	Đạt
353	521	KT.409	Chuyên viên pháp chế	Nguyễn Khánh Linh	10.06.1996	Thạc sĩ Luật Kinh tế	47/60	29/30	Đạt
354	527	KT.409	Chuyên viên pháp chế	Trịnh Thị Ánh Tuyết	17.09.2001	Cử nhân Luật	38/60	17/30	Đạt
355	529	KT.409	Chuyên viên Quản lý đấu thầu	Nguyễn Thị Linh Chi	30.10.1999	Cử nhân Luật	41/60	19/30	Đạt
356	530	KT.409	Chuyên viên Quản lý đấu thầu	Hoàng Diệu Linh	21.12.1999	Cử nhân luật	43/60	24/30	Đạt
357	531	KT.409	Chuyên viên Quản lý đấu thầu	Hoàng Thái Thanh Tâm	14.11.1999	Cử nhân luật	43/60	30/30	Đạt